TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST
Ngày 10/02/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Tâm và bà Ma Khánh Ly.

Thư ký Toà án: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: ĐI - LX, xã MS, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bàn Chung T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn PL, xã TH, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt lần 02, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Bàn Chung T qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MS, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2007 ngày 14/01/2008. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu cho đến khoảng tháng 02 năm 2016 thì chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị H cho rằng do giữa chị H và anh T

không cùng quan điểm sống, anh T luôn nghi ngờ ghen tuông chị H, vợ chồng luôn xảy ra nhiều cãi vã, chị H và anh T cùng đi làm công nhân xa nhà và hiện nay chị H anh T đã sống ly thân. Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Chung T.

- Về con chung: Chị Lương Thị H và anh Bàn Chung T có 01 con chung là cháu Bàn Quốc P, sinh ngày 19/01/2009, cháu P hiện đang ở cùng anh T. Chị H không có nguyện vọng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con mà để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị H có mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án và không thay đổi, bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn anh Bàn Chung T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với anh Bàn Văn Q (là anh trai ruột của anh Bàn Chung T), ông Bàn Văn H - Trưởng thôn PL và Công an xã TH, xác định anh Bàn Chung T có hộ khẩu thường trú tại thôn PL, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay anh T đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, anh Quyết xác nhận thỉnh thoảng anh T vẫn về gia đình vào các dịp lễ tết và hiện nay không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào anh T mới trở về gia đình và địa phương. Theo anh Q cho biết chị H và anh T có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống tại thôn PL, xã TH, huyện Chiêm Hóa, thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau nên đã sống ly thân; anh Q có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho anh Bàn Chung T biết về việc chị Lương Thị H có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho anh T).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022 cháu Bàn Quốc P, sinh ngày 19/01/2008 trình bày sau khi chị H và anh T ly hôn nguyện vọng mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị H, cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Bàn Chung T; về con chung: Giao cháu Bàn Quốc P, sinh ngày 19/01/2009 cho chị Lương Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bàn Chung T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Bàn Chung T không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Bàn Chung T; anh Bàn Chung T có hộ khẩu thường trú tại thôn PL, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Bàn Chung T có hộ khẩu thường trú tại thôn PL, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vắng mặt không có lý do, anh T đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị H có mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn anh Bàn Chung T vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng

xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị H và anh Bàn Chung T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MS, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, luôn nghi ngờ ghen tuông và không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, chị H và anh T đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm chăm sóc gia đình và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Bàn Chung T.

Qua quá trình xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 22/11/2022 (BL 43) thấy rằng chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa chị H và anh T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa chị H và anh T không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị H, cho chị H được ly hôn anh Bàn Chung T.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị Lương Thị H và anh Bàn Chung T có 01 con chung là Bàn Quốc P, sinh ngày 19/01/2009, chị H không có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con mà để con cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Quá trình xác minh xác định hiện anh Bàn Chung T không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con và hiện nay cháu P đang sống cùng anh Bàn Văn Quyết là anh trai ruột của anh T, anh Quyết xác định anh T thỉnh thoảng có về gia đình vào các dịp lễ tết và có gửi tiền về để anh Quyết nuôi cháu P. Tại biên bản lấy lời khai cháu P có nguyện vọng được ở với anh T sau khi chị H anh T ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng tuy cháu P có nguyện vọng được ở với anh T, anh T có thỉnh thoảng về thăm gia đình và gửi tiền nuôi con nhưng hiện anh T không có mặt tại gia đình và địa phương, không xác định được địa chỉ cụ thể của anh T, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, không có văn bản hoặc ý kiến thể hiện quan điểm nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con sau ly hôn nên để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của cháu P Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Bàn Quốc P, sinh ngày 19/01/2009 cho chị Lương Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng

nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Lương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Bàn Chung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị H, cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Bàn Chung T.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Quốc P, sinh ngày 19/01/2009 cho chị Lương Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Chung T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng).* Chị H đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005438 ngày 14/10/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Anh Bàn Chung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/02/2023), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã MS, huyện Con Cuông tỉnh Nghệ An (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh